

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY HỒ

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Tây Hồ)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 6 tháng so (%)	
			Quý II	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	25.600	8.981	15.560	60,8%	513,7%
I	Thu nội địa	25.600	8.981	15.560	60,8%	513,7%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	327.860	156.096	260.493	79,5%	352,1%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	17.545	7.094	12.491	71,2%	1737,3%
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	6.070	1.653	3.568	58,8%	574,9%
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	11.475	5.441	8.924	77,8%	9061,7%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	310.315	137.377	218.087	70,3%	346,9%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	235.795	58.950	117.900	50,0%	980,3%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	74.520	78.427	100.187	134,4%	197,1%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		11.625	29.914		287,9%
C	TỔNG CHI NSDP	327.860	79.220	131.509	40,1%	294,0%
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	253.340	79.220	131.509	51,9%	294,0%
1	Chi đầu tư phát triển	32.795	15.803	17.870	54,5%	177,9%
2	Chi thường xuyên	215.478	63.417	113.639	52,7%	327,7%
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	5067			0,0%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW, NSTP cho NSDP	74520			0,0%	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY HỒ**

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Tây Hồ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện:		Ước Lũy kế đến hết Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	25.600	8.981	15.560	61%	513,7%
I	Thu nội địa	25.600	8.981	15.560	61%	513,7%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	-	141	10		46,9%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		9	22		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	8.540	2.155	4.179	48,9%	1849,7%
4	Thuế thu nhập cá nhân	720	293	687	95,4%	202,8%
5	Thuế bảo vệ môi trường		-	-		
6	Các loại phí, lệ phí	5.430	1.512	3.325	61,2%	968,8%
	Trđó: Lệ phí trước bạ	5.130	1.430	3.162	61,6%	1494,9%
7	Các khoản thu về nhà, đất	5920	4.838	6.843	115,6%	423,4%
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-	-		
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40	19	27	67,8%	104,4%
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	220	1.207	1.208	549,1%	400466%
	Thu tiền sử dụng đất	5.660	3.611	5.608	99,1%	352,7%
	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN		-	-		
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	1.300	3	5	0,4%	
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	290	-	8	2,8%	3,3%
14	Thu khác ngân sách	3.400	312	481	14,1%	200,7%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện:		Ước Lũy kế đến hết Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHẦN CẤP	17.545	7.094	12.491	71,2%	1737,3%
1	Từ các khoản thu phân chia	11.475	5.441	8.924	77,8%	9061,7%
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	6.070	1.653	3.568	58,8%	574,9%

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂY HỒ

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Tây Hồ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện:		Ước TH lũy kế Quý so (%)	
			Quý II	Lũy kế 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	327.860	79.220	131.509	40,1%	294,0%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	253.340	79.220	131.509	51,9%	294,0%
I	Chi đầu tư phát triển	32.795	15.803	17.870	54,5%	177,9%
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	215.478	63.417	113.639	52,7%	327,7%
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	57.116	20.576	40.167	70,3%	17142,0%
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.000	18,458	82,178	4,1%	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	5.067			0,0%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NSDP	74.520			0,0%	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	74.520			0,0%	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					